TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 06/02/2020
V/v: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Đình Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ba.

2. Bà Mai Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Trường – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06/02/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 878/2019/TLST – HNGĐ ngày 06/12/2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST– HNGĐ ngày 09/01/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1967.
Địa chỉ: A, tổ B, khu V, xã LĐ, huyện LT, Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1969.
Địa chỉ: A, tổ B, khu V, xã LĐ, huyện LT, Đồng Nai.

Bà L, ông K có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Nguyễn Văn K tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1989, có đăng ký kết hôn tại UBND xã LĐ, huyện LT. Quá trình chung sống, ông bà làm mất giấy chứng nhận kết hôn, nhưng khi đến UBND xã LĐ xin trích lục thì lại không có tên ông bà trong sổ đăng ký kết hôn nên không cấp trích lục. Trong quan hệ hôn nhân, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất hòa trong tất cả các lĩnh vực mà không thể khắc phục được. Ông bà đã ly thân hơn 02 năm và ông K cũng sống chung với người phụ nữ khác như vợ chồng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin ly hôn.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1990; Nguyễn Tấn H, sinh năm 2000. Cả 02 cháu đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nuôi sống bản thân.

Về tài sản chung: Tự vợ chồng thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

**** Bị đơn, ông Nguyễn Văn K trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: ông và bà Nguyễn Thị Kim L tự nguyện chung sống từ năm 1989, có đăng ký kết hôn tại UBND xã LĐ, huyện LT. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn bị mất, ông bà đã đến UBND xã LĐ xin trích lục nhưng lại không có tên trong sổ đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau. Ông đã dọn ra ở nhà mẹ đẻ để tiện chăm sóc. Nay, ông xác định khi nào mẹ mất thì ông sẽ về nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1990; Nguyễn Tấn H, sinh năm 2000. Cả 02 cháu đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nuôi sống bản thân.

Về tài sản chung: Tự vợ chồng thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành có ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách tố tụng, về việc xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ vụ án và thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử đều được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà L, ông K được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn nên không được xác định là hôn nhân hợp pháp. Khi có yêu cầu ly hôn, đề nghị Tòa án không công nhận bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Văn K là vợ chồng.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1990; Nguyễn Tấn H, sinh năm 2000. Cả 02 cháu đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Tự vợ chồng thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Quan hệ pháp luật: Ngày 08/10/2019, bà Nguyễn Thị Kim L có đơn khởi kiện xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn K. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ là "Tranh chấp ly hôn".

- Thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Văn K là bị đơn trong vụ án hiện đang cư trú tại xã LĐ, huyện LT, tỉnh Đồng Nai nên Tòa án nhân dân huyện Long Thành giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dụng vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Văn K tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1989. Mặc dù cả bà L, ông K đều khai có đăng ký kết hôn nhưng tại tờ khai cấp bản sao trích lục hộ tịch ngày 08/10/2019, UBND xã LĐ xác định: "Qua rà soát hồ sơ sổ bộ đăng ký kết hôn từ năm 1989 không có tên ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị Kim L". Do đó, không có cơ sở để xác định ông K và bà L có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật.

Như vậy, việc chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn của bà L và ông K đã vi phạm quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan có thẩm quyền thực hiện.

Bà L, ông K sống chung với nhau nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên không được pháp luật thừa nhận. Nay, bà L có đơn xin ly hôn, Tòa án không công nhận bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Văn K là vợ chồng.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1990; Nguyễn Tấn H, sinh năm 2000. Cả 02 cháu đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Tự vợ chồng thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: không có.

[3] Về án phí HNGĐ- ST: bà L phải nộp 300.000đ án phí ly hôn.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 203, 220; Điều 235, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không công nhận bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Văn K là vợ chồng.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1990; Nguyễn Tấn H, sinh năm 2000.

Cả 02 cháu đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nuôi sống bản thân.

Về tài sản chung: Tự vợ chồng thỏa thuận.

Về nợ chung: không có.

Về án phí HNGĐ – ST: bà L phải nộp 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành theo biên lai thu số 0002758 ngày 05/12/2019.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKS ND tỉnh Đồng Nai;*
- *T.H.A dân sự H. Long Thành;*
- *VKS H. Long Thành;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu HS, VP.*

Nguyễn Đình Trung